

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN LANG
KHOA XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

ĐỀ THI VÀ ĐÁP ÁN
THI KẾT THÚC HỌC PHẦN
Học kỳ 1, năm học 2023-2024

I. Thông tin chung

Tên học phần:	VIẾT TIẾNG HÀN SƠ CẤP 1 (NGỮ PHÁP TIẾNG HÀN 1)		
Mã học phần:	231_71KORS40202_ĐỀ 2	Số tín chỉ:	2
Mã nhóm lớp học phần:	231_71KORS40202-01,02		
Hình thức thi: Trắc nghiệm kết hợp Tự luận	Thời gian làm bài:	60	phút
<i>Thí sinh được tham khảo tài liệu:</i>	<input type="checkbox"/> Có	<input checked="" type="checkbox"/> Không	

1. Format đề thi

- Font: Times New Roman
- Size: 13
- Tên các phương án lựa chọn: **in hoa, in đậm**
- Không sử dụng nhảy chữ/số tự động (numbering)
- Mặc định phương án đúng luôn luôn là Phương án A ghi ANSWER: A
- Tổng số câu hỏi thi:
- Quy ước đặt tên file đề thi:

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1

+ Mã học phần_Tên học phần_Mã nhóm học phần_TNTL_De 1_Mã đề (*Nếu sử dụng nhiều mã đề cho 1 lần thi*).

2. Giao nhận đề thi

Sau khi kiểm duyệt đề thi, đáp án/rubric. **Trưởng Khoa/Bộ môn** gửi đề thi, đáp án/rubric về Trung tâm Khảo thí qua email: khaothivanlang@gmail.com bao gồm file word và file pdf (*nén lại và đặt mật khẩu file nén*) và nhắn tin + họ tên người gửi qua số điện thoại **0918.01.03.09** (Phan Nhật Linh).

- Khuyến khích Giảng viên biên soạn và nộp đề thi, đáp án bằng **File Hot Potatoes**. Trung tâm Khảo thí gửi kèm File cài đặt và File hướng dẫn sử dụng để hỗ trợ Quý Thầy Cô.

II. Các yêu cầu của đề thi nhằm đáp ứng CLO

(Phần này phải phối hợp với thông tin từ đề cương chi tiết của học phần)

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO	Hình thức đánh giá	Trọng số CLO trong thành phần đánh giá (%)	Câu hỏi thi số	Điểm số tối đa	Lấy dữ liệu đo lường mức đạt PLO/PI
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
CLO2	Vận dụng cấu trúc ngữ pháp đơn giản, hiểu rõ ngữ cảnh để viết câu văn, đoạn văn đơn giản ở trình độ sơ cấp.	Trắc nghiệm	45%	Phần trắc nghiệm (Từ câu 1 đến câu 15)	4.5	PI3.2
CLO3	Vận dụng các kỹ năng viết tiếng Hàn để diễn đạt thông tin với các bên liên quan một cách hiệu quả ở trình độ sơ cấp	Tự luận	55%	Phần tự luận (Câu 1 và câu 3)	5.5	PI5.2

Chú thích các cột:

(1) Chỉ liệt kê các CLO được đánh giá bởi đề thi kết thúc học phần (tương ứng như đã mô tả trong đề cương chi tiết học phần). Lưu ý không đưa vào bảng này các CLO không dùng bài thi kết thúc học phần để đánh giá (có một số CLO được bố trí đánh giá bằng bài kiểm tra giữa kỳ, đánh giá qua dự án, đồ án trong quá trình học hay các hình thức đánh giá quá trình khác chứ không bố trí đánh giá bằng bài thi kết thúc học phần). Trường hợp một số CLO vừa được bố trí đánh giá quá trình hay giữa kỳ vừa được bố trí đánh giá kết thúc học phần thì vẫn đưa vào cột (1)

(2) Nêu nội dung của CLO tương ứng.

(3) Hình thức kiểm tra đánh giá có thể là: trắc nghiệm, tự luận, dự án, đồ án, vấn đáp, thực hành trên máy tính, thực hành phòng thí nghiệm, báo cáo, thuyết trình, ..., phù hợp với nội dung của CLO và mô tả trong đề cương chi tiết học phần.

(4) Trọng số mức độ quan trọng của từng CLO trong đề thi kết thúc học phần do giảng viên ra đề thi quy định (mang tính tương đối) trên cơ sở mức độ quan trọng của từng CLO. Đây là cơ sở để phân phối tỷ lệ % số điểm tối đa cho các câu hỏi thi dùng để đánh giá các CLO tương ứng, bảo đảm CLO quan trọng hơn thì được đánh giá với điểm số tối đa lớn hơn. Cột (4) dùng để hỗ trợ cho cột (6).

(5) Liệt kê các câu hỏi thi số (câu hỏi số ... hoặc từ câu hỏi số... đến câu hỏi số...) dùng để kiểm tra người học đạt các CLO tương ứng.

(6) Ghi điểm số tối đa cho mỗi câu hỏi hoặc phần thi.

(7) Trong trường hợp đây là học phần cốt lõi - sử dụng kết quả đánh giá CLO của hàng tương ứng trong bảng để đo lường đánh giá mức độ người học đạt được PLO/PI - cần liệt kê ký hiệu PLO/PI có liên quan vào hàng tương ứng. Trong đề cương chi tiết học phần cũng cần mô tả rõ CLO tương ứng

của học phần này sẽ được sử dụng làm dữ liệu để đo lường đánh giá các PLO/PI. Trường hợp học phần không có CLO nào phục vụ việc đo lường đánh giá mức đạt PLO/PI thì để trống cột này.

III. Nội dung câu hỏi thi

PHẦN TRẮC NGHIỆM (15 câu + mỗi câu 0.3 điểm)

※ [1~15] ()에 들어갈 가장 알맞은 것을 고르십시오.

1. (0.3 điểm)

단어를 모릅니다. ()을 찾습니다.

- A. 사전
- B. 안경
- C. 수박
- D. 지갑

ANSWER: A

2. (0.3 điểm)

저는 마이클입니다. 미국() 왔습니다.

- A. 에서
- B. 학교
- C. 이
- D. 의

ANSWER: A

3. (0.3 điểm)

배가 고프니다. ()에 갑니다.

- A. 식당
- B. 은행
- C. 우체국
- D. 여행사

ANSWER: A

4. (0.3 điểm)

저는 사과 주스를 좋아합니다. 그래서 () 마십니다.

- A. 자주
- B. 아마
- C. 제일
- D. 아까

ANSWER: A

5. (0.3 điểm)

도서관입니다. 책이 아주 ().

- A. 많습니다
- B. 넓습니다
- C. 쉽습니다
- D. 짧습니다

ANSWER: A

6. (0.3 điểm)

가: 집이 ()예요?

나: 우리 집은 회사 근처예요.

- A. 어디
- B. 어느
- C. 무엇
- D. 무슨

ANSWER: A

7. (0.3 điểm)

동생의 결혼식입니다. 가족들이 함께 사진을 ().

- A. 찍습니다
- B. 배웁니다
- C. 만납니다
- D. 빌립니다

ANSWER: A

8. (0.3 điểm)

지난주 일요일에 첫눈이 ().

- A. 왔습니다
- B. 오였습니다
- C. 오였습니다
- D. 옵니다

ANSWER: A

9. (0.3 điểm)

어제 눈사람 사진을 가족들에게 ().

- A. 보냈습니다
- B. 보내았습니다
- C. 보내었습니다
- D. 보냅니다

ANSWER: A

10. (0.3 điểm)

이번 주말에() 저는 ‘안녕, 나의 커피’에서 커피 수업을 듣습니다.

- A. 도
- B. 와
- C. 과
- D. 에서

ANSWER: A

11. (0.3 điểm)

저는 점심을 먹고 쇼핑을 ().

- A. 했습니다
- B. 봤습니다
- C. 졌습니다
- D. 왔습니다

ANSWER: A

12. (0.3 điểm)

우리는 한식집() 비빔밥을 먹었습니다.

- A. 에서
- B. 에
- C. 과
- D. 하고

ANSWER: A

13. (0.3 điểm)

저는 태권도를 ().

- A. 배우고 싶었습니다
- B. 찍고 싶었습니다
- C. 자고 싶었습니다
- D. 입고 싶었습니다

ANSWER: A

14. (0.3 điểm)

공연은 신나고 ().

- A. 즐거웠습니다
- B. 추웠습니다
- C. 매웠습니다
- D. 비쌌습니다

ANSWER: A

15. (0.3 điểm)

저는 한국어 선생님입니다. 한국어를 ().

- A. 가르칩니다
- B. 줍니다
- C. 모릅니다
- D. 일어납니다

ANSWER: A

PHẦN TỰ LUẬN (2 câu; 2.5 điểm + 3 điểm)

Câu 1 (2.5 điểm): 아래의 글에는 5 개의 실수가 있습니다. 찾아서 고쳐 쓰십시오.

저는 오늘에 도우미를 만났습니다. 제 도우미 이름은 김지훈입니다. 지훈 씨는 경희대학교 학생입니다. 우리는 보통 일주일에 한 번 학교 근처에서 만났습니다.

오늘은 지훈 씨 집 근처에서 만났습니다. 그리고 근처 공원에서 산책을 하고 한국어으로 이야기도 많이 했습니다. 저는 한국 유학 생활을 이야기하고 지훈 씨는 학교 생활을 이야기했습니다. 이야기를 끝나고 지훈 씨가 제 한국어 숙제를 도와줍니다. 정말 고마웠습니다.

다음에 저도 지훈 씨를 도와주고 싶습니다.

- 1. →
- 2. →
- 3. →
- 4. →
- 5. →

Câu 2 (2 điểm):

“여러분의 특별한 날”을 주제로 10 -12 문장을 써 보십시오

Câu 3 (1 điểm)

뒤에 있는 문장을 한국말로 번역하십시오.

- **Học tiếng Hàn thú vị nhưng mà khó.**
 - **Hôm qua tôi đã xem phim cùng với bạn ở rạp chiếu phim.**
-

ĐÁP ÁN PHẦN TỰ LUẬN VÀ THANG ĐIỂM

Phần câu hỏi	Nội dung đáp án	Thang điểm	Ghi chú
I. Trắc nghiệm		4.5	
Câu 1 – 15	Đáp án A	0.3	
II. Tự luận		5.5	
Nội dung câu 1	1. 오늘에 → 오늘/오늘은 2. 만났습니다 → 만납니다 3. 한국어으로 → 한국어로 4. 이야기를 → 이야기가 5. 도와줍니다 → 도와줬습니다	2.5	
Nội dung câu 2	오늘 고향 친구가 한국에 왔습니다. 아침에 공항에서 친구를 만났습니다. 정말 반가웠습니다. 우리는 명동에 갔습니다. 친구가 한식을 먹고 싶어 했습니다. 그래서 한식집에서 비빔밥을 먹었습니다. 정말 맛있었습니다. 점심을 먹고 쇼핑을 했습니다. 저는 신발을 사고 친구는 옷을 샀습니다. 저녁에는 친구가 쉬고 싶어 했습니다. 그래서 우리는 집으로 돌아갔습니다. 오늘은 바빴습니다. 하지만 정말 즐거웠습니다.	2.0	
Nội dung câu 3	- 한국어 공부가 재미있지만 어렵습니다. - 어제 친구하고 같이 극장에서 영화를 봤습니다.	1.0	
Điểm tổng		10.0	

Người duyệt đề



ThS. Nguyễn Thị Hương

TP. Hồ Chí Minh, ngày 2 tháng 12 năm 2023

Giảng viên ra đề



Đinh Thị Huyền